

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019

Về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ơng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ph- ơng Lan

2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

- Th[□] ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán— Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 314/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Lê Cẩm T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2019 của nguyên đơn Đặng Quốc T, bản tự khai của anh Đặng Quốc Tuấn, nội dung các phiên không hoà giải đ- ợc ngày 27/9/2019, 24/10/2019, vụ án có nội dung nh- sau:

Anh Đặng Quốc T trình bày: Vào năm 2007, qua tự nguyện tìm hiểu và đ- ợc sự đồng ý của gia đình hai bên, tôi cùng chị Lê Cẩm T tổ chức lễ c- ới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện C, tỉnh K; đã đ- ợc UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61/2013, quyển số 01/2013. Trong quá trình chung sống, tôi và chị T có hai người con chung là cháu Đặng Quốc Tr, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Đặng Quốc V, sinh ngày 21/11/2013 đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, không có tài sản chung và không có nợ chung. Từ lúc kết hôn với nhau, cuộc sống vợ chồng giữa tôi và chị Lê Cẩm T luôn gặp nhiều bất đồng không

thể giải quyết đ-ợc, chúng tôi đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay giữa chúng tôi không còn tình cảm gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, tôi yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ-ợc ly hôn với chị Lê Cẩm T.

- Về con chung: Đ-ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d-ỡng, giáo dục cháu Đặng Quốc Tr và cháu Đặng Quốc V cho đến khi cháu Tr, cháu V tròn 18 tuổi; tôi không yêu cầu chị Lê Cẩm T cấp d-ỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Lê Cẩm T theo quy định của pháp luật, nh-ng chị Lê Cẩm T không hợp tác nên Tòa án không thu thập đ-ợc lời khai của chị Lê Cẩm T.

Tại phiên tòa, anh Đặng Quốc T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

□ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng-ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr-ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Quốc T, không xem xét về cấp d-ỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung do anh Đặng Quốc T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2007, anh Đặng Quốc T và chị Lê Cẩm T thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 06/8/2019, anh Đặng Quốc T có đơn khởi kiện yêu cầu đ-ợc ly hôn với chị Lê Cẩm T và yêu cầu Tòa án. giải quyết về con chung giữa anh Tuấn và chị Tú; chị Tú có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K. Đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt chị Lê Cẩm T tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12/11/2019 cho chị Lê Cẩm T theo quy định của pháp luật, chị Lê Cẩm T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, đ-ợc sự thống nhất của anh Đặng Quốc T và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lê Cẩm T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Quốc T:

2.1. Về hôn nhân: Anh Đặng Quốc T và chị Lê Cẩm T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ c-ới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh K, đã

đ- ọc UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn nên theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Quốc T và chị Lê Cẩm T là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên anh Đặng Quốc T yêu cầu đ- ọc ly hôn với chị Lê Cẩm T.

Xét rằng: Tuy chị Lê Cẩm T không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo kết quả xác minh của Tòa án tại ấp A thì chị Lê Cẩm T có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K và tuy hiện nay chị Lê Cẩm T không thường xuyên sinh sống tại địa phương nhưng thì thoảng chị T có về địa phương; anh T và chị T chung sống vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, có hai người con chung là cháu Đặng Quốc Tr và cháu Đặng Quốc V, anh T và chị T đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay (BL 19). Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Đặng Quốc T và chị Lê Cẩm T đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục kéo dài cũng không đạt đ- ọc mục đích của hôn nhân. Vì vậy, trên nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đặng Quốc T đối với chị Lê Cẩm T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Anh Đặng Quốc T và chị Lê Cẩm T có hai ng- ời con chung là cháu Đặng Quốc Tr, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Đặng Quốc V, sinh ngày 21/11/2013.

Xét rằng: Ngày 10/9/2019, cháu Đặng Quốc Tr có nguyện vọng xin được ở với cha khi cha, mẹ ly hôn (BL 21); từ năm 2014 đến nay anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và cháu V. Để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho hai cháu, Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu Tr, cho anh Đặng Quốc T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Đặng Quốc Tr và cháu Đặng Quốc V cho đến khi cháu Tr, cháu V tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp d- ỡng nuôi con: Do anh Đặng Quốc T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Ng- ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng- ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr- ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng- ời con, các đ- ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d- ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Đặng Quốc T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Quốc T.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Anh Đặng Quốc T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh Đặng Quốc T phải nộp vào

số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Đặng Quốc T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005111, ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Đặng Quốc T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Chị Lê Cẩm T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

- 1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đặng Quốc T và chị Lê Cẩm T.
- 2- Về con chung: Cho anh Đặng Quốc T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Quốc Tr, sinh ngày 04/10/2008 và cháu Đặng Quốc V, sinh ngày 21/11/2013 cho đến khi cháu Tr, cháu V tròn 18 tuổi.
- 3- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Do anh Đặng Quốc T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.
- 4- Về án phí: Anh Đặng Quốc T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh Đặng Quốc T phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Đặng Quốc T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005111, ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Đặng Quốc T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Chị Lê Cẩm T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr-ởng hợp bản án đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- 5- Về quyền kháng cáo: Các đ-ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2019), đ-ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ-ợc Bản án hoặc đ-ợc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- UBND xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

Hoàng Thị Thu H- ơng